

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

2. Ông Lê Trọng Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 207 đường N, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007 bà Nguyễn Thị Mỹ Th và ông Lê Hoàng L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th khởi kiện ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Th và ông L có 01 người con chung là Lê Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 06/9/2010. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Việc

cấp dưỡng nuôi con, bà Th và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Th có đơn khởi kiện ly hôn với ông Lê Hoàng L, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Hoàng L cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hoàng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông L không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác ông L vắng mặt tại phiên hòa giải, bà Th đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn ông Lê Hoàng L vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyền số 01/2007/214 ngày 05/6/2007 của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Th trình bày, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng vẫn rất gay gắt. Bị đơn ông Lê Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà, không cung cấp lời khai, tham gia hòa giải, qua đó cho thấy ông L cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông L

đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục duy trì thì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà Th là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Lê Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 06/9/2010. Bị đơn ông Lê Hoàng L vắng mặt, không nêu yêu cầu tranh chấp việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu để bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Nguyễn Quỳnh Nh. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Th tự thỏa thuận với ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Th khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Bà Th khai không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Th là nguyên đơn khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th được ly hôn với ông Lê Hoàng L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ là Lê Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 06/9/2010. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà

Nguyễn Thị Mỹ Th tự thỏa thuận với ông Lê Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Hoàng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Th khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Mỹ Th chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0019229 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Hương